TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2021
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điểu Mẫn

2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Vương Xuân M, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Vương Xuân M trình bày:

Bà M và ông D sau thời giam tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau vào khoảng năm 2010. Tuy không tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau và ông D bỏ đi từ năm 2011 cho đến nay không liên lạc gì với bà M. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có 01 người con tên Vương Quốc K – sinh năm 2012. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi cháu K và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M khai trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc ly hôn với ông D, giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vương Xuân M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh Dũng cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Bà M và ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông D vắng mặt không có lý do, bà M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt ông D và bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Vương Xuân M thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn tại đơn khởi kiện và bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thấy rằng: Bà M và ông D tự nguyện chung sống với nhau khoảng năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Do bất đồng quan điểm mà thường xuyên cãi nhau, ông D đã bỏ đi và không còn chung sống với bà M từ năm 2011 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Dvà bà M đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà M và ông D có 01 người con tên Vương Quốc K – sinh năm 2012. Hiện nay bà M là người trực tiếp nuôi cháu K, cháu K cũng có nguyện vọng sống chung với bà M, ông D không có mặt tại địa phượng nên cần chấp nhận yêu cầu của bà M về việc giao cháu K cho bà M nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cấn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vương Xuân M và ông Nguyễn Thanh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 13/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Vương Quốc K – sinh ngày 15/3/2012 cho bà Vương Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi

mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Bà Vương Xuân M phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002395 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bà Vương Xuân M phải chịu chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo phiếu thu ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải